| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN AN MINH**<br>**TỈNH KIÊN GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: **41**/2020/HN-ST
Ngày: 30/7/2020
V/v: *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Trịnh Thị Cẩm Lình.

*Các Hội thẩm nhân dân*: 1. Bà Hồ Thị Hoa

2. Bà Đoàn Thị Huệ

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Trần Thị Thùy Trang, Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh tham gia phiên toà*:** Ông Trần Văn Ý, kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2020 tại Tòa án nhân dân huyện An Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 54/2020/TLST - HNGĐ ngày 24/02/2020 về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2020/QĐXXST - HN ngày 07/7/2020, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị **Phan Ngọc D**, sinh năm: 1996. Cư trú: Ấp X, xã ĐH, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang. (*Có mặt*)

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị D*: Ông Huỳnh Phương C, thuộc Chi nhánh văn phòng luật sư Phạm Văn Cần (*Có mặt*).

* Bị đơn: Anh **Trang Văn T**, sinh năm: 1995. Cư trú: Ấp HĐ, xã ĐH, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang. (*Có mặt*)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

** Theo đơn khởi kiện ngày 10/02/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Phan Ngọc D trình bày và yêu cầu như sau*: Chị và anh Trang Văn T tổ chức đám cưới từ năm 2017. Trước khi chung sống thì anh chị có tìm hiểu nhau trước rồi mới tiến tới hôn nhân, anh chị có đi thực hiện việc đăng ký kết hôn và được UBND xã ĐH, huyện An Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 19/6/2017. Sau khi kết hôn, anh chị sinh sống cùng gia đình chồng tại ấp HĐ cho đến tháng 12/2019 thì vợ chồng ly thân cho đến nay.

Trong quá trình chung sống thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T luôn nghe lời cha mẹ, anh không quan tâm chia sẻ với chị. Trong thời gian chị làm dâu, ngoài cha mẹ chồng còn có dì chồng và ngoại chồng. Dì chồng luôn gây khó khăn, chửi mắng chị đủ điều, chị làm gì gia đình anh T cũng không vừa ý. Chị nhẫn nhịn rất nhiều lần để bỏ qua như anh T không hề nghĩ tới cảm xúc của chị.

Mâu thuẫn gia đình ngày càng lớn không tháo gỡ được, chị và anh T luôn bất đồng quan điểm sống. Mặc dù vợ chồng đã cho nhau nhiều cơ hội nhưng không thể hàn gắn được nên chị đã về nhà cha mẹ ruột chị sinh sống từ tháng 12/2019 đến nay.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung cháu Trang Minh Th, sinh ngày 18/3/2018. Khi chị về nhà cha mẹ ruột sinh sống thì chị có dẫn cháu Th theo cùng nhưng đến ngày mùng 02 tết thì anh T qua rước cháu nói là về nhà nội chơi vài ngày nhưng anh T giữ cháu luôn cho đến nay.

Về tài sản chung: Trong ngày cưới cha mẹ anh T có cho anh chị được 10 chỉ vàng 24kr và quà đám thêm được 02 chỉ vàng 24kr, tổng cộng là 12 chỉ vàng 24kr. Số vàng này, cha mẹ anh T đã hỏi mượn nhiều lần, hiện nay vẫn chưa trả lại cho anh chị.

Về nợ chung: Trong thời gian vợ chồng chung sống không phát sinh nợ.

Do xét thấy, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên chị D yêu cầu được ly hôn với anh Trang Văn T; yêu cầu được nuôi cháu Trang Minh Th, sinh ngày 18/3/2018, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung không tranh chấp nên không yêu cầu giải quyết; nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết.

** Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Trang Văn T trình bày như sau:* Qua lời trình bày của chị D về thời gian vợ chồng chung sống, có đăng ký kết hôn, có 01 con chung hiện nay đang sống cùng anh từ mùng 02 tết âm lịch đến nay và không có nợ chung là đúng.

Nguyên nhâu thuẫn của vợ chồng như chị D trình bày là hoàn toàn không có. Lý do chị D xin ly hôn anh T hoàn toàn không biết và khi chị D bỏ nhà đi anh cũng không biết lý do.

Nay, anh vẫn còn thương chị D nên không đồng ý ly hôn với chị Phan Ngọc D. Nếu chị D cương quyết ly hôn thì anh yêu cầu:

- *Về con chung*: Yêu cầu được nuôi cháu Trang Minh Th, sinh ngày 18/3/2018, không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

** Tại phiên tòa*:

- *Chị D*: Yêu cầu được ly hôn với anh T; yêu cầu được nuôi cháu Th (sinh ngày 18/3/2018), không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung không tranh chấp và nợ chung không có nên chị không yêu cầu giải quyết.

- *Anh T*: Đồng ý ly hôn với chị D; yêu cầu được nuôi cháu Th (sinh ngày 18/3/2018), không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung không tranh chấp và nợ chung không có nên anh không yêu cầu giải quyết.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị D, luật sư Huỳnh Phương C đề nghị*: HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 56; khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận yêu cầu của chị D về việc cho chị D được ly hôn với anh T và chị D được nuôi cháu Th, không yêu càu anh T cấp dưỡng nuôi con. Đối với tài sản và nợ thì anh chị đã xác định không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Kiểm sát viên phát biểu quan điểm giải quyết vụ án*: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đầy đủ, đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật tố tụng dân sự;

Đối với các đương sự thì từ khi thụ lý vụ án đến nay nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành nghiêm chỉnh và đúng quy định;

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (gọi tắt là HĐXX) nhận định như sau:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn chị D khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh T là tranh chấp dân sự về hôn nhân và gia đình. Khi chị D khởi kiện được Tòa án thụ lý vụ án giải quyết thì anh T đang cư trú và sinh sống tại ấp Hòa Đông, xã Đông Hòa, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Qua yêu cầu của các đương sự trong vụ án được xác định mối quan hệ pháp luật là "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*".

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị D và anh T chung sống với nhau từ năm 2017 và có đăng ký kết hôn UBND xã Đông Hòa, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang vào ngày 19/6/2017 theo đúng quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu của chị D về việc ly hôn với anh T, HĐXX xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án, chị D xác nhận sau khi kết hôn thì trong thời gian chị làm dâu, gia đình anh T luôn gây khó khăn cho chị D nhưng anh T luôn nghe lời cha mẹ không quan tâm chia sẻ với chị. Chị đã nhẫn nhịn rất nhiều lần để bỏ qua nhưng anh T không hề nghĩ tới chị dẫn đến mâu thuẫn giữa chị và gia đình anh T ngày càng lớn không tháo gỡ được. Chị và anh T thì ngày càng bất đồng quan điểm không thể hàn gắn được nên anh chị đã ly thân từ tháng 12/2019 đến nay. Qua nội dung xác minh tình trạng hôn nhân giữa anh chị tại địa phương cho thấy mâu thuẫn xảy ra giữa vợ chồng anh chị trong thời gian chung sống như lời chị D trình bày là có thật (*có xác nhận của chính quyền địa phương*).

Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhằm động viên anh chị trở về chung sống nhưng chị D cương quyết ly hôn, phía anh T thì từ khi vợ chồng ly thân cho đến phiên tòa hôm nay anh vẫn không có động thái nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng giữa anh và chị D.

HĐXX xét thấy, hôn nhân của anh chị hiện nay đã lâm vào tình trạng trầm T, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị D, lời đề nghị của Luật sư và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, cho chị D được ly hôn với anh T.

[3] *Về quan hệ con chung:* Chị D và anh T xác nhận có 01 con chung là cháu Trang Minh Th (*sinh ngày 18/3/2018, giới tính nữ*), hiện nay đang chung sống cùng anh T (*từ ngày mùng 2 tết nguyên đán 2020 đến nay*).

Xét yêu cầu được nuôi cháu Th của chị D và anh T. HĐXX xét thấy, mặc dù anh T là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Th từ tết nguyên đán 2020 đến nay nhưng anh T không đảm bảo việc thăm nom con đối với chị D, cụ thể là khi chị D đến thăm cháu Th thì anh T và gia đình không tạo điều kiện cho chị D được thăm cháu Th (*Có xác nhận của chính quyền địa phương*) là anh T đã vi phạm vào khoản 2 Điều 83 Luật HN&GĐ 2014.

*Khoản 2 Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 qui định:"Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con".*

Đồng thời, HĐXX xét thấy, cháu Trang Minh Th (*sinh ngày 18/3/2018, giới tính nữ*) hiện nay (*28 tháng tuổi*) chưa được 36 tháng tuổi cần phải giao cho mẹ trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định theo khoản 3 Điều 81 luật HNGĐ 2014 nên HĐXX chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị D, không chấp nhận yêu cầu được nuôi con của anh T.

*Khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 qui định:"Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con".*

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị D và anh T xác định không có tranh chấp nên HĐXX không xem xét. Nhưng sau khi ly hôn, có phát sinh nợ chung trong thời gian hôn nhân thì anh chị vẫn có nghĩa vụ liên đới.

[5] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Buộc chị D phải chịu án phí ly hôn với số tiền là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*).

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thờng vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Cho chị Phan Ngọc D được ly hôn với anh Trang Văn T.

2. *Về con chung*: Buộc anh T giao cháu Trang Minh Th (*sinh ngày 18/3/2018, giới tính nữ*) cho chị D trực tiếp, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Chị D không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn. Khi cần thiết, chị D có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, anh T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Anh T không trực tiếp nuôi con nhưng lạm dụng vào việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị D thì chị D có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh T.

3. *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Buộc chị Phan Ngọc D chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp số tiền là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo lai thu số 0007706 ngày 19/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang. Chị D đã nộp xong.

4. *Quyền kháng các:* Chị D và anh T có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (*ngày 30/7/2020*).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

**Trịnh Thị Cẩm Lình**

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- VKSND huyện An Minh;
- TAND tỉnh KG;
- UBND xã ĐH.
- Lưu HS, VP.